

Số: 651/QĐ-UBND

Trị An, ngày 28 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công  
năm 2026 trên địa bàn xã Trị An (Lần 1).**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRỊ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND xã về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Trị An (Lần 1);*

*Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND xã về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Trị An (Nguồn thu hợp pháp);*

*Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 288/TTr.PKT ngày 28 tháng 04 năm 2026.*



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Trị An (Lần 1).

*(Đính kèm biểu chi tiết).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, các phòng ban, đơn vị được UBND xã giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- UBND Tỉnh Đồng Nai (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Đảng ủy, TTHĐND xã; (b/c)
- CT, Các PCT UBND xã;
- Chánh, Phó VP HĐND & UBND xã;
- Lưu: VT + THKT

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Thị Dung**





BIỂU CÔNG BỐ CÔNG KHAI PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRỊ AN (LẦN 1)

(Kèm theo Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Trị An)

ĐVT: triệu đồng

| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                               | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư       | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định phê duyệt dự án đầu tư |                     | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2026 | Phân bổ lần 1 | Tổng kế hoạch năm 2026 sau phân bổ (Lần 1) | Ghi chú |
|-------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|------------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------------------|---------|
|       |                                                                     |                   |                                 |                  |          |                  |                     | Số/ngày                           | Tổng mức vốn đầu tư |                                          |                                |               |                                            |         |
| 1     | 2                                                                   | 3                 | 4                               | 5                | 6        | 7                | 8                   | 9                                 | 10                  | 11                                       | 12                             | 13            | 14=12+13                                   |         |
|       | TỔNG CỘNG (A+B+C)                                                   |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 64.200                         | 32.395        | 64.200                                     |         |
| A     | NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG                                       |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 28.775                         | 19.145        | 28.775                                     |         |
| I     | Thực hiện dự án (Khởi công mới)                                     |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 2.000                          | 19.145        | 21.145                                     |         |
| 1     | Lĩnh vực kinh tế (Giao thông)                                       |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 1.300                          | 8.445         | 9.745                                      |         |
|       | Đường liên ấp Vĩnh An 1-2                                           | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế    | 8176115  | 292              | 2026-2028           | 504, 07/4/2026                    | 4.064               |                                          | 500                            | 2.550         | 3.050                                      |         |
|       | Đường liên tổ 3-4, ấp Vĩnh An 1                                     | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế    | 8176171  | 292              | 2026-2028           | 503, 07/4/2026                    | 3.103               |                                          | 300                            | 2.000         | 2.300                                      |         |
|       | Đường liên tổ 10-11-14, ấp Vĩnh An 1                                | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế    | 8176170  | 292              | 2026-2028           | 505, 07/4/2026                    | 5.071               |                                          | 400                            | 3.500         | 3.900                                      |         |
|       | Cải tạo cảnh quan ngã 4 đường Quang Trung giao đường Phan Chu Trinh | Áp Vĩnh An 3      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | VP HUBND&UBND xã | 8179587  | 292              | 2026-2028           | 499, 07/4/2026                    | 498                 |                                          | 100                            | 395           | 495                                        |         |
| 2     | Lĩnh vực Thể dục thể thao                                           |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 200                            | 2.650         | 2.850                                      |         |
|       | Cải tạo Khu thể thao ấp Hiếu Liêm.                                  | Áp Hiếu Liêm      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH      | 8175517  | 221              | 2026-2028           | 501, 07/4/2026                    | 2.997               |                                          | 200                            | 2.650         | 2.850                                      |         |
| 3     | Lĩnh vực quản lý nhà nước, Đảng                                     |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   | 4.482               |                                          | 300                            | 4.000         | 4.300                                      |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy xã Trị An                          | Xã Trị An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế    | 8175944  | 341              | 2026-2028           | 513, 09/4/2026                    | 4.482               |                                          | 300                            | 4.000         | 4.300                                      |         |
| 4     | Lĩnh vực khoa học công nghệ                                         |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 200                            | 2.750         | 2.950                                      |         |
|       | Lắp đặt camera giám sát an ninh trên địa bàn xã                     | Xã Trị An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | VP HUBND&UBND xã | 8179588  | 103              | 2026-2028           | 514, 09/4/2026                    | 2.991               |                                          | 200                            | 2.750         | 2.950                                      |         |
| 5     | Lĩnh vực tài chính và khác                                          |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | -                              | 1.300         | 1.300                                      | -       |
|       | Ủy thác sang NHCSXH                                                 | Xã Trị An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Ngân hàng CSXH   |          |                  | 2026                | 47, 07/4/2026                     |                     |                                          |                                | 1.300         | 1.300                                      |         |
| II    | Dự án chuẩn bị đầu tư                                               |                   |                                 |                  |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 700                            | -             | 700                                        |         |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                                                                                      | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư    | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định phê duyệt dự án đầu tư |                     | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2026 | Phân bổ lần 1 | Tổng kế hoạch năm 2026 sau phân bổ (Lần 1) | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     | Số/ngày                           | Tổng mức vốn đầu tư |                                          |                                |               |                                            |         |
| I     | 2                                                                                                                                                          | 3                 | 4                               | 5             | 6        | 7                | 8                   | 9                                 | 10                  | 11                                       | 12                             | 13            | 14=12+13                                   |         |
| 1     | Lĩnh vực kinh tế (Giao thông)                                                                                                                              |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 500                            | -             | 500                                        |         |
|       | Đường vào trường Hùng Vương, ấp Vĩnh An 1                                                                                                                  | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế | 8176173  | 292              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          | 500                            |               | 500                                        |         |
| 2     | Lĩnh vực môi trường                                                                                                                                        |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   | 0                   |                                          | 200                            | -             | 200                                        |         |
|       | Xây dựng trạm trung chuyển rác thải trên địa bàn ấp Vĩnh An 4                                                                                              | Áp Vĩnh An 4      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế | 8176091  | 278              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          | 200                            |               | 200                                        |         |
| III   | Dự phòng bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt; bố trí dự án chuẩn bị đầu tư (Ủy quyền cho UBND xã giao vốn khi đủ điều kiện về hồ sơ) |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 26.075                         |               | 6.930                                      |         |
| B     | NGUỒN VỐN XÓ SÓ KIẾN THIẾT                                                                                                                                 |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
| I     | Thực hiện dự án (Khởi công mới)                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
|       | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                               |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa trường TH-THCS Trị An (cơ sở tiểu học)                                                                                                   | Áp 1              | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế | 8176354  | 073              | 2026-2028           | 500, 07/4/2026                    | 3.479               |                                          | 200                            | 3.100         | 3.300                                      |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Mã Đà                                                                                                                     | Áp Mã Đà          | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế | 8175943  | 071              | 2026-2028           | 498, 07/4/2026                    | 3.799               |                                          | 200                            | 3.450         | 3.650                                      |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa trường TH Kim Đồng (cơ sở 1)                                                                                                             | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế | 8175942  | 072              | 2026-2028           | 502, 07/4/2026                    | 4.799               |                                          | 300                            | 4.200         | 4.500                                      |         |
| II    | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                      |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 700                            | -             | 700                                        |         |
|       | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                               |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 700                            | 0             | 700                                        |         |
|       | Mô hình phòng học STEM TH Cây Gáo B và trường THCS Lê Quý Đôn                                                                                              | Xã Trị An         |                                 | Phòng VH-XH   | 8176771  | 073              | 2026-2028           |                                   | 5.970               |                                          | 500                            |               | 500                                        |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hiếu Liêm                                                                                                                 | Áp Hiếu Liêm      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế | 8178638  | 071              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          | 200                            |               | 200                                        |         |
| III   | Dự phòng bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt; bố trí dự án chuẩn bị đầu tư (Ủy quyền cho UBND xã giao vốn khi đủ điều kiện về hồ sơ) |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 18.025                         |               | 7.275                                      |         |
| C     | NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT                                                                                                                                 |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
| I     | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                      |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
| 1     | Lĩnh vực kinh tế                                                                                                                                           |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
| 1.1   | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                                        |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                |               |                                            |         |
|       | Đường tổ 3, tổ 4, tổ 18 ấp Vĩnh An 1                                                                                                                       | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế |          | 292              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          | 16.000                         | 2.500         | 16.000                                     |         |
|       |                                                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | -                              | 2.500         | 2.500                                      |         |
|       |                                                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | -                              | 2.200         | 2.200                                      |         |
|       |                                                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | -                              | 1.300         | 1.300                                      |         |
|       |                                                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                | 500           | 500                                        |         |
|       | Đường tổ 11, tổ 15 ấp Vĩnh An 1                                                                                                                            | Áp Vĩnh An 1      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế |          | 292              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 500           | 500                                        |         |
|       | Đường Chòi Sắt ấp 4, xã Trị An                                                                                                                             | Áp 4              | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế |          | 292              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 300           | 300                                        |         |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                                                                                      | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư    | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định phê duyệt dự án đầu tư |                     | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 | Kế hoạch vốn giao đầu năm 2026 | Phân bổ lần 1 | Tổng kế hoạch năm 2026 sau phân bổ (Lần 1) | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------|---------------|--------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     | Số/ngày                           | Tổng mức vốn đầu tư |                                          |                                |               |                                            |         |
| 1     | 2                                                                                                                                                          | 3                 | 4                               | 5             | 6        | 7                | 8                   | 9                                 | 10                  | 11                                       | 12                             | 13            | 14=12+13                                   |         |
| 1.2   | Lĩnh vực điện                                                                                                                                              |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | -                              | 600           | 600                                        |         |
|       | Hệ thống chiếu sáng đường Chu Văn An (đoạn còn lại)                                                                                                        | Áp Vĩnh An 5      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | TTĐV tổng hợp |          | 312              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 200           | 200                                        |         |
|       | Đường dây hạ thế tuyến đường Bờ hồ, ấp 4                                                                                                                   | Áp 4              | KBNN KV XVII - PGD số 5         | TTĐV tổng hợp |          | 312              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 200           | 200                                        |         |
|       | Hệ thống chiếu sáng đường Hồ Xuân Hương (Giai đoạn 1)                                                                                                      | Áp Vĩnh An 6      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | TTĐV tổng hợp |          | 312              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 200           | 200                                        |         |
| 1.3   | Lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch                                                                                                                         |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          |                                | 300           | 300                                        |         |
|       | Dầu tư hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Trị An (giai đoạn 1)                                                                                              | Xã Trị An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | TTĐV tổng hợp |          | 311              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 300           | 300                                        |         |
| 2     | Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                               |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | -                              | 300           | 300                                        |         |
|       | Lắp đặt khung lưới bảo vệ cho các trường học trên địa bàn xã                                                                                               | Xã Trị An         | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng VH-XH   |          | 072              | 2026-2028           |                                   |                     |                                          |                                | 300           | 300                                        |         |
| II    | Dự phòng bố trí cho các dự án dự kiến hoàn thành thủ tục phê duyệt; bố trí dự án chuẩn bị đầu tư (Ủy quyền cho UBND xã giao vốn khi đủ điều kiện về hồ sơ) |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |                                          | 16.000                         |               | 13.500                                     |         |



BIỂU CÔNG BỐ CÔNG KHAI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TRỊ AN (Nguồn thu hợp pháp)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày

tháng năm 2026 của UBND xã Trị An)

ĐVT: triệu đồng

| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                    | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Chủ đầu tư    | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian thực hiện | Quyết định phê duyệt dự án đầu tư |                     |       | Kế hoạch trung hạn 2026-2030 | Kế hoạch vốn năm 2026 | Ghi chú |
|-------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------|----------|------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------|-------|------------------------------|-----------------------|---------|
|       |                                                                          |                   |                                 |               |          |                  |                     | Số/ngày                           | Tổng mức vốn đầu tư |       |                              |                       |         |
| 1     | 2                                                                        | 3                 | 4                               | 5             | 6        | 7                | 8                   | 9                                 | 10                  | 11    | 12                           |                       |         |
|       | TỔNG CỘNG                                                                |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |       |                              | 3.000                 |         |
|       | NGUỒN THU KHÁC TỪ QUỸ ĐẤT                                                |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |       |                              | 3.000                 |         |
| I     | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                    |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |       |                              | 500                   |         |
| 1     | Lĩnh vực kinh tế (Giao thông)                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |       |                              | 300                   |         |
|       | Xây dựng đường nội bộ Nghĩa trang xã Trị An                              | Áp Vĩnh An 7      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | Phòng Kinh tế |          | 292              | 2026-2028           |                                   |                     | 2.182 | 300                          |                       |         |
| 2     | Lĩnh vực điện                                                            |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |       |                              | 200                   |         |
|       | Hệ thống chiếu sáng đường vào nghĩa trang nhân dân Vĩnh An (giai đoạn I) | Áp Vĩnh An 7      | KBNN KV XVII - PGD số 5         | TT DVTH       |          | 312              | 2026-2028           |                                   |                     | 749   | 200                          |                       |         |
| II    | Dự phòng chưa phân bổ                                                    |                   |                                 |               |          |                  |                     |                                   |                     |       |                              | 2.500                 |         |

